TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/HNGĐ-ST
Ngày 20/7/2020
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Ngọc Sáng, ông Đào Long Hải
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn -Thư ký Tòa án.
Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Chín - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020. Về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 07 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị P
Sinh năm: 1980 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 9, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.
2. Bị đơn: Anh Lùng Văn S
Sinh năm: 1975 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố 9, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, tự khai, nguyên đơn chị Vàng Thị P trình bày:

Chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S, sinh năm 1975, địa chỉ tại khu phố 9, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu quá trình tìm hiểu, đến với nhau trên cơ sở hai bên đều tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, kết hôn được sự đồng ý của cha mẹ hai bên anh chị chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn.Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, sinh sống tại Khu phố 9, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Chị P và anh S sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân cuộc sống gia đình chị không có hòa thuận do anh S không tu trí làm ăn, không quan tâm đến vợ con, sống thiếu trách nhiệm với vợ con, thường xuyên cãi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không tin tưởng nhau, quá trình chung

sống với nhau hơn 20 năm nhưng chị P và anh S chưa đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn M. Hiện nay anh chị sống ly thân. Nay chị nhận thấy sống với nhau không còn tình cảm, hạnh phúc ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt như ý muốn, để giải thoát cho nhau chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị không công nhận là vợ chồng.

-Về con chung: Anh chị có 02 con chung Lùng Thế A, sinh năm 2000 và Lùng Thị Yến Nh, sinh ngày 12/07/2009; Khi ly hôn chị đều nhất trí theo nguyện vọng của các con chung: Giao Lùng Thế A cho anh Lùng Văn S nuôi dưỡng chăm sóc đến khi học xong chuyên nghiệp. Giao Lùng Thị Yến Nh cho chị Vàng Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành 18 tuổi.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh S được quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm con.

-Về tài sản: Anh chị tự thỏa thuận với nhau theo biên bản thỏa thuận lập ngày 26/6/2020, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về công nợ: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Lùng Văn S trình bày ý kiến, quan điểm:

Theo tự khai, lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án: Anh và chị Vàng Thị P chung sống với nhau như vợ chồng đều do hai bên tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình nhất trí, nhưng đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn, Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, anh và chị P sinh sống tại Khu phố 9, Thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân không hợp nhau, không cùng quan điểm, tình cảm lạnh nhạt, ít quan tâm nhau, hiện đều ly thân, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống không có hạnh phúc nên anh xin Tòa án xét xử khôngcôngnhậnlàvợchồng.

Về con chung: có 02 con chung Lùng Thế A, sinh ngày 09/11/2000 và Lùng Thị Yến Nh, sinh ngày 12/7/ 2009; Khi ly hôn anh đều nhất trí theo nguyện vọng của các con chung: Anh và chị P thỏa thuận nhất trí theo nguyện vọng các con, giao Lùng Thế A cho anh Lùng Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi học xong chuyên nghiệp. Giao Lùng Thị Yến Nh cho chị Vàng Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh và chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị P được quyền thăm con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm con.

- Về Tài sản: Anh và chị P tự thỏa thuận với nhau theo biên bản thỏa thuận lập ngày 26/6/2020, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Anh và chị P tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M có ý kiến, quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn

kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh S không đăng ký kết hôn, sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1999 trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới xin theo phong tục, tập quán của người dân tộc thái đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/1/2016 của TANDTC - VKSNDTC – BTP; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng Thị P.

Về mặt tình cảm: Không công nhận chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Các con đều trên 07 tuổi nên nguyện vọng ở với bố hay mẹ. Đề nghị HĐXX xem xét theo nguyện vọng của con chung giao Lùng Thế A cho anh Lùng Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc; Giao Lùng Thị Yến Nh cho chị Vàng Thị P nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trở thành 18 tuổi là phù hợp với nguyện của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị HĐXX không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản và công nợ.

Về án phí sơ thẩm: Chị Vàng Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại biên lai số AA/2010/0003856 ngày 15/5/ 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà. HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Vàng Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Lai Châu giải quyết việc không công nhận là vợ chồng giữa chị và anh Lùng Văn S theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S là nam nữ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, được hai bên gia đình thừa nhận, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân giữa chị P và anh S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị P và anh S xác định trong thời gian chung sống, giữa chị

P và anh S có 02 con chung: Lùng Thế A (Giới tính : Nam), sinh ngày 09/11/ 2000 và Lùng Thị Yến Nh (Giới tính: Nữ) sinh ngày 12/7/ 2009. Khi cha mẹ ly hôn, con chung Lùng Thế A có nguyện vọng ở với bố Lùng Văn S nên giao cho anh S nuôi dưỡng con chung, tuy Lùng Thế A đã thành niên nhưng đang theo học chuyên nghiệp, anh S phải có trách nhiệm nuôi dưỡng. Đối với con chung Lùng Thị Yến Nh có nguyện vọng ở với mẹ, xét theo nguyện vọng của Yến Nh là phù hợp, nên giao cho chị P chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trở thành 18 tuổi, theo quy định Điều 81, Điều 82, Điều 83 LHNGĐ. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

Về quyền thăm nom: Anh chị có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản, anh chị tạo điều kiện việc thăm nom, nếu không gây ảnh hưởng xấu cho con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị P và anh S tự thỏa thuận với nhau theo biên bản thỏa thuận lập ngày 26/6/2020, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân: Chị P phải nộp án phí theo quy quy định định pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 51; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố:

-Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: Giao Lùng Thế A, sinh ngày 09/11/2000 được ở với bố Lùng Văn S, anh S phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Giao Lùng Thị Yến Nh, sinh ngày 12/07/2009 được ở với mẹ Vàng Thị P, chị P có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trở thành 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quyền thăm nom: Anh chị có quyền thăm nom con chung không được ai ngăn cản, anh chị phải điều kiện việc thăm nom con, nếu không gây ảnh hưởng xấu cho con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S tự thỏa thuận theo biên bản thỏa thuận lập ngày 26/6/2020, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại biên lai số

AA/2010/0003856 ngày 15/5/ 2020 của Chi cục thi hành án dhuyện M, tỉnh Lai Châu.

Quyền kháng cáo: Chị Vàng Thị P và anh Lùng Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu
- VKSND huyện M
- Thi hành án dân sự H. M
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án

T /M HÔI ĐÔNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Lò Thị Chiến